

Nguyễn An Ninh

Nhà Cách Mạng Dân Chủ Tiên Phong Trong Lịch Sử Hiện Đại Việt Nam

Lê Tùng Minh

"Vận mạng đất nước đang trong thời kỳ mà không một ai trong chúng ta có quyền thờ ơ trước những đau khổ của nòi giống, bất cứ ai muốn xứng danh là người An Nam, đều phải phấn đấu đến hơi thở cuối cùng, mang hết sức lực của mình làm tươi đẹp cho số phận dân tộc An Nam"

(Nguyễn An Ninh, Báo "Tiếng Chuông Rè", Sài Gòn, số 19 tháng 5 - 1924)

Tiếng nói đầy nhiệt huyết của một thanh niên ở vào lứa tuổi 20, của một trí thức trẻ Việt Nam, của một nhà cách mạng dân chủ tiên phong trong lịch sử hiện đại Việt Nam - NGUYỄN AN NINH, đã vang lên từ hơn 70 năm trước, vẫn còn in sâu trong tâm hồn của dân tộc Việt Nam, và còn lưu tồn trên trang nhất của tờ báo "Tiếng Chuông Rè" (La Cloche Fêlée) số 19 tháng 5-1924. Đó là số báo cuối cùng trong đời làm báo của nhà cách mạng, xuất thân từ trường đại học Sorbonne (Paris, Pháp).

Chính quyền thuộc địa của thực dân Pháp tại Đông Dương đã bóp chết tờ báo "Tiếng Chuông Rè", vì nó dám công bố trước thế giới về tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp tại Đông Dương, nhưng nó không thể thủ tiêu được tiếng nói lương tâm của nhà cách mạng. Tờ báo "Tiếng Chuông Rè" không còn ngân vang trong lòng dân tộc Việt Nam, nhưng quyết tâm của nhà cách mạng trẻ tuổi không bị lung lay, Nguyễn An Ninh tuyên bố:

"Nếu tôi không còn được sử dụng được nghề làm báo để giải phóng giống nòi tôi, thì lòng tin nơi tương lai dân tộc không vì thế mà suy giảm, hoạt động của tôi sẽ không hề bị tê liệt mảy may" (Trong "MẤY LỜI GIÃ BIỆT" - Tiếng Chuông Rè, số 19 tháng 5 - 1924).

Đọc lại những lời nói này của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, tôi thấy có một sức mạnh thôi thúc người viết phải sưu tầm, nghiên cứu và dựng lại đáng đứng như tảng bách của nhà cách mạng dân chủ tiên phong, chụp lại một ngôi sao bắc đẩu của tuổi trẻ Việt Nam... Từ đó, mong đem lại những bài học gì ở nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, áp dụng cho sự nghiệp dân chủ hóa Việt Nam hôm nay.

oOo

Nguyễn An Ninh sinh tại quê ngoại là xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, ngày 15 tháng 9 năm 1900 (Canh Tý). Sống và học hành tại quê nội, xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, Gia Định-Sài Gòn trong một gia đình khá giả, đủ khả năng cho con theo học trường Tây ở trong nước. Thân sinh của Nguyễn An Ninh là chiến sĩ cách mạng Nguyễn An Khương, một lãnh tụ của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ. Nguyễn An Khương còn là một nhà văn nổi tiếng trong văn giới Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, đồng thời còn là dịch giả các tác phẩm: "Tam Quốc Chí", "Thủy Hử", "Phấn Trang Lầu"... Ông đặc biệt quan tâm việc giúp đỡ cho những thanh niên Việt Nam có chí lớn nên ông mới lập khách sạn "Chiêu Nam Lầu" (chợ cũ Sài Gòn số 49 đường Nguyễn Huệ ngày nay) để có tài chánh đăng trợ giúp cho họ xuất dương.

Từ nhỏ, Nguyễn An Ninh rất thông minh, học đến đâu hiểu đến đó. Vào trường Taberd Gia Định lúc 8 tuổi. Năm 12 tuổi vào trường trung học Chasseloup - Laubat Sài Gòn. Đỗ tú tài Pháp năm 16 tuổi. Vì học rất giỏi, năm nào cũng đứng đầu lớp, lại đỗ Tú Tài hạng ưu, nên Nguyễn An Ninh được nhận vào trường luật Hà Nội, trước tuổi hạn định (18 tuổi).

Học trường luật Hà Nội được 2 năm. Ông quyết định nghỉ để sang Pháp học. Sở dĩ ông muốn rời trường luật bản xứ để sang học luật tại trường Đại Học Sorbonne (Paris) là trường đại học nổi tiếng nhất của "mẫu quốc" (Pháp) là vì, như Nguyễn An Ninh nói với bạn bè: "Các giáo sư Pháp dạy ở trường luật Hà Nội không truyền thụ hết những tinh hoa của nền dân chủ Pháp, mặt khác còn có vẽ

khinh miệt những sinh viên thuộc địa "không có khả năng nhận thức" những gì có tính uyên bác của người Pháp... Tôi phải sang tận nước của họ để chứng minh cho họ thấy dân ta không thua dân họ về mặt tiếp thu kiến thức mà họ gọi là uyên bác của người Pháp". (Theo lời thuật lại của luật sư Nguyễn Mạnh Tường, trong buổi tọa đàm về Nguyễn An Ninh, tại câu lạc bộ trí thức của Đảng Xã Hội, Hà Nội, 1960).

Nhưng gia thế của cha mẹ vào lúc này không đủ tiền cho Nguyễn An Ninh sang Pháp du học. Nguyễn An Ninh cũng không xin học bổng của chính phủ thuộc địa. Ông quyết ra đi với cái vé tàu hạng ba (loại vé tàu ngồi trên boong). Sang Paris, Nguyễn An Ninh vừa kiếm việc làm để sinh sống và vừa đi học. Ông dự trù sẽ sống ở Paris 4 năm (1918-1922) để thi lấy bằng cử nhân luật. Nhưng khi ghi tên học khoa luật (Sorbonne) và dự một số giờ giảng của các giáo sư, kết hợp với việc nghiên cứu các đề thi và các luận án tốt nghiệp của những năm trước đó, Nguyễn An Ninh quyết định học vượt và ghi danh thi lấy bằng cử nhân ngay 3 tháng sau khi vào trường đại học Sorbonne. Nguyễn An Ninh đã đậu bằng cử nhân luật với số điểm hạng ưu và lời phê "Intelligent", trước sự ngạc nhiên và trọng nể của các giáo sư luật ở Sorbonne. Năm đó, Nguyễn An Ninh đúng 18 tuổi. Tuy thế, ông chưa về Việt Nam ngay vì ông muốn ở lại Pháp để nghiên cứu những vấn đề mà ông quan tâm. Nửa ngày đi làm, nửa ngày vào các thư viện lớn tại Paris để đọc, học và suy nghĩ. Một hôm có người bạn Pháp thấy Nguyễn An Ninh đang nghiền ngẫm những tác phẩm của Charles Robert Darwin (1803-1880), mới hỏi ông rằng: "Bạn thích ý tưởng nào nhất của Darwin?" Nguyễn An Ninh không trả lời thẳng, mà lật một trang sách, chỉ cho người bạn Pháp xem mấy dòng chữ sau đây: "Nếu tôi được hân hạnh sống lần thứ hai thì tôi sẽ đặt cho mình một kế hoạch đọc hết bao nhiêu thơ, nghe bao nhiêu nhạc, ít nhất là mỗi tuần một lần. Có lẽ bằng cách rèn luyện như vậy, tôi có thể làm cho bộ não của mình không bao giờ bị già cỗi. Nếu thiếu những đam mê đó thì hạnh phúc sẽ bị phí hoài, và có thể điều đó sẽ ảnh hưởng không tốt đến trí tuệ, thậm chí đến cả tinh thần nữa, vì nó làm giảm khả năng nhạy cảm của chúng ta đối với thiên nhiên" (theo luật sư Nguyễn Mạnh Tường, đã dẫn).

Sau khi người bạn Pháp xem xong, Nguyễn An Ninh mới cười, nói tiếp: "Tôi còn phải giữ một lời thề!" Người bạn Pháp tò mò hỏi: "Lời thề gì? và thề với ai?". Nguyễn An Ninh nghiêm chỉnh kể lại cho người bạn Pháp nghe: "Trước khi tôi rời khỏi xứ để sang đây du học, cha tôi đã dẫn tôi lên lăng ông Lê Văn Duyệt và bắt tôi phải thề trước mộ của Ngài Tả Quân rằng: Tôi không bao giờ chạy theo danh lợi sau khi đã thành tài, mà phải đem tài năng đã học được phục vụ cho công cuộc giải phóng giống nòi thoát khỏi ách nô lệ của Pháp. Tôi nguyện đeo đuổi đến cùng chí hướng của mình dù phải hy sinh cả cuộc đời". (Theo luật sư Nguyễn Mạnh Tường, đã dẫn).

Tinh thần học tập, nghiên cứu, suy nghĩ có chủ đích lớn lao của Nguyễn An Ninh lúc ấy, quả là vượt khỏi khả năng bình thường của một thanh niên 18. Điều gì đã thúc giục nhà trí thức rất trẻ ấy? Đó là điều mà ông đã rút ra được từ ý tưởng vĩ đại của nhà cách mạng Pháp Jean Jacques Rousseau, rằng: "Chừng nào trên mặt đất này còn có con người, thì tôi buộc phải trả lại cho loài người cái ơn về những điều tốt đẹp mà tôi đã thọ lãnh". Đó là "những người mang ơn sanh thành, những người cung phụng cái tôi cần, những người khai phá tâm hồn tôi; và những người đã truyền cho tôi những bản lãnh của họ". (Trích trong lời phát biểu của Nguyễn An Ninh tại buổi lễ nhận bằng cử nhân luật, xem hồ sơ "Bachelor de Drot", 1918, thư viện Sorbonne).

Cuối năm 1918, chiến tranh thế giới lần thứ I đã kết thúc. Bị thua trận, đế quốc Đức cùng đồng minh của nó phải chấp nhận những điều kiện nhục nhã. Các nước thắng trận là Anh, Pháp, Mỹ, Ý, Nhật và các nước khác trong khối hiệp ước nhóm họp tại Versaille (18-1-1919). Đến ngày 18-6-1919, thì hòa ước với Đức đã được ký kết. Theo hòa ước này (hòa ước Versaille) thì đế quốc Anh là được lợi nhất, vì Anh vừa mở rộng thuộc địa, vừa không để cho một quốc gia nào khác có khả năng cường thịnh trong cuộc chiến tranh Pháp Phổ (1870-1871) là Alzas và Laurene, và được quyền khai thác than ở hạt Caroex thuộc lãnh thổ của Đức... Các nước khác thuộc phe thắng trận cũng được chia một số quyền lợi nhất định. Ngược lại, Đức phải bồi thường chiến tranh với số tiền 132 tỷ Mác...

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ I (1914-1918) đã tạo cơ hội cho cuộc cách mạng vô sản Nga bùng nổ (11-1917). Nhờ đó, quốc tế Cộng Sản mới thúc đẩy được một phong trào công nhân thế giới vùng dậy liên tục sau khi chiến tranh kết thúc, kéo dài từ 1918 đến 1922, lan tràn hầu khắp các nước Anh, Pháp, Ý, Mỹ, Nhật...

Như vậy, trong 4 năm (1918-1922) học tập và làm việc trên đất Pháp, tại Paris, Nguyễn An Ninh đã nghe và thấy bao nhiêu sự kiện lịch sử trọng đại của thế giới. Đặc biệt, tại Pháp đã xuất hiện của một nhân vật Việt Nam, chỉ lớn hơn Nguyễn An Ninh khoảng 10 tuổi - người thanh niên đó mang tên Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn An Ninh được biết tên của Nguyễn Ái Quốc qua tờ báo "L'Humanité" (Nhân Đạo) - cơ quan ngôn luận của Đảng Xã Hội Pháp (tiền thân của Đảng Cộng Sản Pháp). Tờ L'Humanité số ra ngày 18-6-1919 có đăng "Bản Yêu Sách" của Nguyễn Ái Quốc gửi cho một Hội Nghị Versailles, dưới đầu đề "Quyền của các dân tộc". Nguyễn An Ninh cũng có đọc tờ báo "Le Paria" (Người Cùng Khổ) của Nguyễn Ái Quốc xuất bản tại Paris vào đầu tháng 4-1922... Nhưng Nguyễn Ái Quốc có tiếp xúc với Nguyễn An Ninh hay không thì không ai được biết rõ (?) Và ngay nhà cách mạng cũng không hề nói đến việc này cho ai nghe(?) Nhưng nếu chúng ta nghiên cứu kỹ lý tưởng của hai nhân vật cách mạng Việt Nam này, thì chúng ta có thể hiểu được rằng: nếu có gặp nhau trong "Nhóm Ngũ Long" ở Paris thì cũng không cùng đi chung đường, vì: Nguyễn Ái Quốc đi theo "Con đường của Lênine" (Cộng Sản), còn Nguyễn An Ninh lại đi theo con đường "Giải phóng giống nòi" trên lập trường "dân tộc chân chính". Chúng ta cũng có thể tìm thấy một yếu tố khác mà hai nhân vật này không thể cùng chung lý tưởng cách mạng được. Đó là hoàn cảnh xuất thân và môi trường hoạt động. Hoàn cảnh xuất thân của Nguyễn Ái Quốc (tên thật là Nguyễn Sinh Cung) là con một của Phó Bảng (Nguyễn Sinh Sắc) nhưng bản thân là một thầy giáo tiểu học (trường Dục Thanh - Phan Thiết), rồi đi làm bồi tàu (Pháp), bồi bàn nhà hàng Anh... cuối cùng tham gia Đảng Xã Hội Pháp (1918). Môi trường hoạt động của Nguyễn Ái Quốc là môi trường của những người lao động. Còn Nguyễn An Ninh tuy gia thế không cao bằng gia thế của Nguyễn Ái Quốc, nhưng bản thân là trí thức được trưởng thành từ sự giáo dục của xã hội dân chủ tư sản (Pháp) - năm 1918, có bằng cử nhân luật của đại học Sorbonne có thể coi là một trí thức lớn ở tầm cỡ quốc tế. Ông lại sống và hoạt động trong môi trường nghiên cứu văn hoá tư tưởng và đấu tranh để thực hiện lý tưởng dân chủ, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các nhà dân chủ ở thời kỳ Đại cách mạng Pháp (1789). Sự hiểu biết sâu rộng của Nguyễn An Ninh về các mặt là do chính ông tự tìm hiểu và biến thành cái vốn hiểu biết của mình. Ngược lại, Nguyễn Ái Quốc nhận thức và theo lý tưởng cộng sản là qua sự huấn luyện của Đảng Xã Hội Pháp và sau đó là của Quốc Tế Cộng Sản III.

Nguyễn An Ninh không dựa vào một thế lực quốc tế nào, mà chỉ dựa vào lòng yêu nước của dân mình để vận động thực hiện cuộc cách mạng dân chủ, giải phóng giống nòi ra khỏi ách nô lệ thực dân Pháp. Còn Nguyễn Ái Quốc thì dựa vào thế lực Quốc Tế Cộng Sản, tình nguyện làm đệ tử trung thành của Lênine để đưa đất nước Việt Nam vào trong hệ thống chính trị của chủ nghĩa cộng sản (sau khi hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc), như Nguyễn Ái Quốc đã tuyên bố hồi năm 1920, khi ông đọc được "Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênine, rằng: "Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" và "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (theo "Hồ Chí Minh tuyển tập", tập II, nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1960, tr. 175-176). Nhưng Nguyễn An Ninh lại suy nghĩ khác, như ông đã nói trong bài diễn thuyết công khai bằng tiếng Pháp đầu tiên ở Sài Gòn (1923) rằng: "Muốn đánh đuổi ngoại bang trước tiên là phải dựa vào sức lực của dân tộc mình", và nếu "Dân tộc nào để cho nền văn hóa ngoại bang ngự trị thì không thể độc lập thật sự vì văn hóa là tâm hồn của dân tộc". (Xem bài "Une Culture Pour Les Annamites" của Nguyễn An Ninh, "La Cloche Fêlée", số 1, 10-12-1923).

Dù quan điểm cách mạng giải phóng dân tộc có khác với Nguyễn Ái Quốc, nhưng Nguyễn An Ninh vẫn giữ thái độ của một người cách mạng chân chính, không hề có sự bài bác đối với cá nhân cũng như đường lối cách mạng theo Lênine của Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn An Ninh, lúc ấy tuy còn rất trẻ, nhưng đã có tư cách của một lãnh tụ anh minh, một lãnh tụ biết nghe, biết nghĩ và biết quyết đoán độc lập. Ý thức độc lập, tự chủ nhưng không tự mãn, luôn luôn vươn tới trước, để nắm bắt những tinh hoa văn hóa của nhân loại, là đặc điểm nổi bật của Nguyễn An Ninh.

Năm 1922, Nguyễn An Ninh quyết định rời đất Pháp, trở về nước để vận động cách mạng. Một trí thức Pháp cùng nghiên cứu một thời gian dài với ông ở thư viện Paris (1920-1922), khi biết ông quyết định về nước, có đặt vấn đề với ông như sau: "Bạn rất có khả năng trở thành nhà bác học lớn của xứ An Nam, không những thế mà của cả nước Pháp nữa!... Vậy, từ bỏ tương lai đó, bạn không tiếc hay sao?" Nguyễn An Ninh cười và trả lời: "Tôi không muốn chui đầu vào cái lò học vấn uyên bác trong khi dân tôi, giống nòi tôi còn mang ách nô lệ của ngoại bang". (Theo luật sư Nguyễn Mạnh Tường, đã dẫn).

Khi Nguyễn An Ninh về đến Sài Gòn, tên Cognagq, thống đốc Nam Kỳ có mời ông đến và khuyến dụ ông ra làm quan cho chính quyền thuộc địa. Hắn nói: "Chính phủ Pháp sẵn sàng dành cho ngài cử nhân một địa vị xứng đáng trong chính quyền Pháp ở Đông Dương... và chúng tôi coi ông là một trí thức cao cấp của nước Pháp", Nguyễn An Ninh nghiêm sắc mặt nói: "Cám ơn ông thống đốc! Nhưng tôi là một người An Nam tự do!" (Theo giáo sư Trần Văn Giàu, trong bài giảng về "Phong trào cách

mạng Việt Nam sau đại chiến thế giới lần thứ I", tại đại học Tổng Hợp Hà Nội, 1957).

Từ đó, Nguyễn An Ninh dẫn thân vào con đường vận động cách mạng giải phóng dân tộc theo phương sách riêng của mình, là đi từ những hoạt động diễn thuyết công khai và làm báo công khai đến việc lập "hội kín nguyên an ninh".

Giai đoạn lịch sử của Nguyễn An Ninh tiến hành vận động cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ cũng là giai đoạn lịch sử của phong trào văn hóa mới và sự truyền bá tư tưởng dân tộc dân chủ khắp nước Việt Nam, nhưng nổi nhất là ở Nam Kỳ mà Sài Gòn là trung tâm vận động của phong trào.

Đây, chính là bối cảnh thuận lợi và cũng không ít khó khăn cho cuộc vận động cách mạng của Nguyễn An Ninh.

Thuận lợi là ở chỗ mặt trận báo chí và xuất bản sách đang mở rộng một cách công khai, vượt ngoài sự khống chế của chính quyền thuộc địa. Báo tiếng Pháp có:

- "La Tribune Indigène" (Diễn Đàn Bản Xứ) của Nguyễn Phú Khai và Bùi Quang Chiêu;
- "La Jeune Annam (Annam Trẻ) và "Le Nhaqué" (Người Nhà Quê) của Nguyễn Khánh Toàn...

Còn báo tiếng Việt có:

- "Đồng Pháp Thới Báo" của Trần Huy Liệu;
- "Tiếng Dân" của Huỳnh Thúc Kháng;
- "Thực Nghiệp Dân Báo" v.v...

Các nhà xuất bản như:

- "Duy Tân Thư Xã" của Tô Chấn;
- "Giáo Quần Thư Xã" của Ngô Đức Kế;
- "Quan Hào Tùng Thư" của Đào Duy Anh;
- "Nam Đồng Thư Xã" của Phạm Tuấn Tài;
- "Cường Học Thư Xã" của Trần Huy Liệu...

Nhờ đó, mà dân Việt Nam thời ấy mới đọc được những tác phẩm của các nhà cách mạng của nước mình, như: "Văn Thơ" của Phan Bội Châu, "Dì Cảo" của Phan Chu Trinh, "Chiêu Hồn Nước" của Phạm Tất Đắc, "Một Bầu Tâm Sự" của Trần Huy Liệu, "Tiếng Quốc Kêu" của Việt Quyền, "Hồi Trống Tự Do" và "Tiếng Chuông Truy Hồn" do Trần Hữu Độ dịch v.v...

Nhưng, mặt khó khăn cũng không phải là ít. Ngoài chính sách đàn áp thẳng tay, chủ nghĩa thực dân Pháp còn thực hiện âm mưu chia rẽ phong trào bằng cách mua chuộc những phần tử cơ hội trong số trí thức người Việt như Bùi Quang Chiêu. Với sự "ngầm gặt đầu" của Pháp, Bùi Quang Chiêu đứng ra thành lập Đảng Lập Hiến và tung ra tờ báo được gọi là "Cơ quan ngôn luận" của Đảng - tờ "La Tribune Indochinoise" (Diễn Đàn Đông Dương) và "L'Echo Annamite (Tiếng Dội An Nam), với cách viết lập lờ như vừa công khai chỉ trích chánh phủ Pháp, vừa tuyên bố "gắn bó vô hạn với mẫu quốc Pháp". Thực dân Pháp cũng chi tiền cho tờ "Nam Phong", "Trung Bắc Tân Văn" để cho một số bồi bút có chỗ lên tiếng đánh phá phong trào cổ động văn hoá tiến bộ và truyền bá tư tưởng dân chủ. Chính trong hoàn cảnh đó, nhà văn trẻ Phạm Tất Đắc (16 tuổi) chỉ vì sáng tác bài "Chiêu Hồn Nước" mà bị kết án 3 năm tù. Có những tờ báo mới ra số đầu đã bị đình bản, như tờ "Le Jeune Annam" và "Le Nhaqué" v.v...

Thuận lợi hay khó khăn là hai mặt luôn luôn xảy đến đối với một phong trào cách mạng. Thực tế đó không thể ảnh hưởng đến tinh thần của nhà cách mạng chân chính Nguyễn An Ninh. Vì vậy, khi về đến Sài Gòn vào giữa năm 1922, ông lao ngay vào cuộc chiến đấu mà ông đã chuẩn bị từ những

ngày còn nghiền ngẫm những trang sách của các nhà cách mạng Pháp ở thư viện Paris.

o0o

Thời buổi ấy, những người có sứ mạng cổ động nền văn hóa - văn minh tiến bộ và truyền bá tư tưởng dân chủ, kêu gọi chống thực dân Pháp, là tầng lớp trí thức Việt Nam, đặc biệt là những người được đào tạo trong cái lò Đại học của "Mẫu Quốc" Pháp. Đó là một thực tế khách quan không thể phủ nhận.

Tại Sài Gòn vào những năm sau đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918) có một tổ chức gọi tắt là SAMIPIC. SAMIPIC là chữ tắt của một cụm từ Pháp sau đây: "Société D'Amélioration Morale Intellectuell Et Physique Des Indigènes Cochinchine" nghĩa là "Hội Bồi Dưỡng Để Nâng Cao Về Đạo Đức, Trí Tuệ, Và Thể Lực Của Người Bản Xứ Nam Kỳ". Nhưng để cho gọn, người ta thường gọi là "Hội Nam Kỳ, Đức, Trí, Thể Dục" (Thật ra, không chính về chữ mà cũng không đủ về nghĩa chút nào).

Sau này, người ta gọi gọn hơn là

"Hội Khuyến Học" tọa lạc tại số 34 đường Aviateur Garros, tức Thủ Khoa Huân ngày nay. Lúc đầu, nhiều người cứ lầm tưởng là chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ chủ trương thành lập SAMIPIC, mà cụ thể là tên thống đốc Nam Kỳ Cognagq, để "nâng cao dân trí Annam" kỳ thật, người lập ra là nhà Bác Vật Lưu Văn Lang. Ông đã xin phép tổ chức xố số hai lần, thu được 60.000 đồng tiền Đông Dương Ngân Hàng để mua đất, cất nhà, lập hội SAMIPIC (theo nhà khảo cứu Vương Hồng Sển). Những người đến nghe diễn thuyết ở SAMIPIC phần nhiều là trí thức, nhà văn, nhà báo, sinh viên, học sinh Nam Kỳ, nghĩa là những người nghe được tiếng Pháp (vì phần nhiều diễn giả đều nói bằng tiếng Pháp để cho một số người Pháp ở Nam Kỳ cùng nghe - ngầm ý cho người Pháp thực dân hiểu rằng: "Dân An Nam không thua dân Pháp. Người Pháp nói được thì dân An Nam cũng nói được!" Giới có học, nhất là dân làm báo và sinh viên, học sinh đều có cái thú như sau: Vào mỗi chiều chủ nhật, sau buổi trưa xem trận đá banh giữa Thủ Dầu Một với Étoil De Gia Định, xong vào Louvain tắm nhà tắm công cộng 2 xu, ra đường ăn tô mì, rồi đi vào SAMIPIC nghe diễn thuyết. (Theo Nguyễn Văn Trấn, phóng viên báo "Le Peuple" (Dân Chúng) vào năm 1937-1938). Rõ ràng, SAMIPIC có một cống hiến hữu ích cho việc nâng cao dân trí ở Nam Kỳ vào giai đoạn lịch sử ấy.

Khi Nguyễn An Ninh vừa về tới Sài Gòn chưa bao lâu thì Hội SAMIPIC đã cử người trân trọng mời nhà cách mạng trẻ tuổi, một cử nhân luật ở Pháp mới về, đến diễn thuyết tại SAMIPIC. Đề tài do thuyết trình viên quyết định. Dân Sài Gòn nghe Nguyễn An Ninh diễn thuyết tại SAMIPIC đều nô nức rủ nhau đi nghe (kể cả những người nghe lỏm bõm tiếng Pháp cũng háo hức đến nghe Nguyễn An Ninh diễn thuyết).

Bài diễn thuyết đầu tiên của Nguyễn An Ninh là "Une Culture Pour Les Annamites" (Một nền văn hóa cho người An Nam - thời ấy có người dịch thoát là "Chung đức học thức cho người An Nam"). Bài diễn thuyết này có tiếng vang rất sâu rộng, báo Pháp và báo Việt đều có đưa tin. Đây có thể coi là phát súng dân chủ đầu tiên của chí sĩ cách mạng Nguyễn An Ninh nã vào chính sách gọi là "khai hóa dân bản xứ" của thực dân Pháp; đồng thời cũng là phát súng đầu tiên làm thức tỉnh dân An Nam.

Nguyễn An Ninh không những là một nhà hùng biện, mà còn là một diễn giả có tài lôi cuốn người nghe từ đầu đến cuối. Nghệ thuật diễn thuyết chính trị của ông là nghệ thuật dẫn dắt từ những vấn đề văn hóa, lịch sử... đến chính trị, kích thích sự phấn chấn theo dõi của người nghe. Chính Trần Huy Liệu, chủ bút tờ "Đông Dương Thời Báo", sau khi dự buổi diễn thuyết đầu tiên của Nguyễn An Ninh, đã phát biểu: "Tôi chưa từng nghe một diễn giả nào diễn thuyết hấp dẫn hơn Nguyễn An Ninh. Anh nói tiếng Pháp giọng Parisian còn hay hơn cả tên thống đốc Cognagq". (Trần Huy Liệu, nói lại cho các giáo viên dạy sử ở Hà Nội nghe, nhân buổi tọa đàm về Nguyễn An Ninh tại Sở Giáo Dục Hà Nội, 8-1960).

Nội dung bài diễn thuyết của Nguyễn An Ninh về "Một nền văn hóa cho người An Nam" có thể tóm lược như sau: Nền văn hóa của nước ta, trước khi trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, bị ảnh hưởng nặng nề về "Sự khai hóa theo lối Khổng Mạnh của người Trung Hoa" đã du nhập vào nước ta từ hơn ngàn năm trước. Nền văn hóa mang đậm ảnh hưởng tư tưởng Khổng Mạnh đã quá lỗi thời! và chính "món hàng xuất khẩu" đó của Trung Hoa đưa sang nước ta, "là nguyên nhân của một thái độ kiêu căng, thô bạo thường thấy ở các nhà nho có tuổi của chúng ta..." Hơn nữa, các nhà nho

của ta lại muốn Khổng hóa tất cả những gì rơi dưới tầm tay của họ". Do đó, ông kêu gọi chuyển hướng sang Châu Âu, sang Pháp, để học hỏi, tiếp thu những tinh hoa của nền văn hóa tiên bộ. Nhưng, Nguyễn An Ninh nói rõ ràng rằng: "Học văn hóa Pháp là để ứng dụng giúp giống nòi, chứ không phải để làm quan, để làm công cụ cho thực dân!" Nguyễn An Ninh kết luận dứt khoát rằng: "Dân tộc nào để cho nền văn hóa ngoại bang ngự trị thì không thể có độc lập thật sự, vì văn hóa là tâm hồn của một dân tộc!"

Kết luận ngắn trên đây của nhà cách mạng dân chủ Nguyễn An Ninh thật là có ý nghĩa trường tồn, và có thể xem là một chân lý. Bài diễn thuyết vừa đã kích mạnh vào tầng lớp Nho gia hủ lậu, tôn thờ Khổng Mạnh đến mức đánh mất cả bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời cũng đã kích vào tầng lớp trí thức làm tay sai cho thực dân Pháp. Việc làm đó của nhà cách mạng dân chủ Nguyễn An Ninh, đã có tác dụng thức tỉnh tầng lớp trí thức lớn tuổi đang phục vụ cho chính quyền đô hộ Pháp, và gây một ảnh hưởng lớn cho tầng lớp trí thức trẻ đang đứng giữa ngã ba đường. Nguyễn An Ninh đã làm xúc động khán giả khi ông nói về việc trở về nguồn của ông, và của mọi người trí thức An Nam khác, rằng: "Chúng ta trở về nơi mà sự tình cờ rung rỗi đã đặt ta thành nơi chôn nhau cắt rốn, do đó không còn ai hơn ta có thể hiểu được nhu cầu của dân ta... và vì lẽ đó mà sức mạnh sáng tạo phong phú trong ta sẽ trở nên không phong phú".

Báo chí công khai ở Sài Gòn, rồi Huế đến Hà Nội đều thông tin mau lẹ và rất trân trọng nội dung bài diễn thuyết đầu tiên của Nguyễn An Ninh tại Hội SAMIPIC. Điều đó làm cho tên Cognagq - thống đốc Nam Kỳ, và tên trùm mật thám ở Nam Kỳ là Amoux, đã điên tiết vì ông cử nhân luật trẻ tuổi đó. Tên Cognagq ra lệnh cho tên Amoux phải theo dõi sát Nguyễn An Ninh và tìm cơ để chính thức ra lệnh cấm không cho Nguyễn An Ninh diễn thuyết công khai nữa.

Nhưng nhà cách mạng dân chủ Nguyễn An Ninh không chịu lùi bước trước sự đe dọa của chính quyền thực dân Pháp. Tuy nhiên, để cho tên trùm mật thám không nắm được bằng cứ, Nguyễn An Ninh chuyển đề tài diễn thuyết nhằm đánh lạc hướng bọn mật thám, như ông đã thuyết trình về "Xã hội Ấn Độ lúc Phật Thích Ca ra đời", "Tắc đất ngon rau ơn Chúa"... Sự chuyển đề tài này, như là một chiến thuật, vừa lừa gạt được kẻ thù, vừa lôi cuốn được đông đảo khán giả của cả hai tôn giáo - Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Trong những lần diễn thuyết này, Nguyễn An Ninh đã truyền bá một quan niệm rất mới về hai người đã sáng lập ra hai tôn giáo ở phương Tây và phương Đông, Đức Chúa Giêsu và Đức Phật Thích Ca. Nguyễn An Ninh không bài xích tôn giáo nào, vì như ông đã nói: "Tôi rất mê Đức Phật Thích Ca và Đức Chúa Giêsu". Theo ông: "Vì xã hội không hợp với ý muốn của mình, mà Chúa Giêsu bỏ cả điều tư, giữ trong sạch, thoát chốn bần hàn, đánh đổ bọn hủ lậu một cách khí huyết làm cho máu thanh niên của mình cũng lắm khi sôi nổi, đau thương". Và ông cũng cho biết, ông thích Đức Phật Thích Ca vì Ngài đã chỉ ra rằng: "Cái thế giới mà mình bất bình đây, không chắc là có?" tại sao "sự đau khổ trong tâm cũng là mộng tưởng mà ra?" (Chúng tôi xin nhường sự giải thích hai câu hỏi lớn này cho các nhà nghiên cứu Phật học - Đây cũng là một đề tài khá hấp dẫn về triết học - LTM).

Như ở trên, chúng tôi đã nói: Diễn thuyết về các đề tài tôn giáo, chỉ là chiến thuật diễn thuyết của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh. Đề tài chính của ông Nguyễn An Ninh đã diễn thuyết vào cuối 1922 và năm 1923 tại SAMIPIC là đề tài chính trị.

Khi ông nói về chính sách gọi là "Khai hóa của người Pháp ở Đông Dương", nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã công khai vạch mặt những tên thực dân Pháp, rằng: "Mi là người Pháp, ta nài nỉ mi đừng làm ô danh và đừng làm cho người ta nguyên rủa một dân tộc, mà ta phải để một thời gian rất dài để tìm hiểu mà yêu thương, sau biết bao nhiêu nhận thức sai lầm và phí công chiến đấu, chỉ vì ta đã gặp trên đường ta đi, những con người giống như mi mà cũng tự xưng là người Pháp". (Ý tưởng này, Nguyễn An Ninh cũng đã từng viết lên trên mặt báo "Nước Pháp Buổi Chiều" hồi đầu năm 1922, khi còn ở Paris). Một sự công kích rất mãnh liệt, nhưng cũng thật tế nhị, lại được lòng dân tộc Pháp - dân tộc Pháp đã từng làm cuộc cách mạng dân chủ đầu tiên trên thế giới (1789) - Không bao giờ muốn có những đứa con thực dân đang bị các dân tộc thuộc địa (Pháp) nguyên rủa, như Nguyễn An Ninh đã công kích.

Đề tài diễn thuyết vào ngày 15-10-1923 là bài diễn thuyết nổi tiếng nhất, ảnh hưởng lớn nhất đối với giới trẻ Việt Nam. Đó là bài "L'Idéal de la Jeunesse Annamite" (Lý tưởng của thanh niên An Nam). Bài diễn thuyết này có thể coi là một bản tuyên ngôn đầu tiên của tuổi trẻ cách mạng Việt Nam, mà Nguyễn An Ninh là ngọn cờ cách mạng dân chủ tiên phong. Trong "bản tuyên ngôn" này, Nguyễn An Ninh đã đề cao vai trò "rường cột nước nhà" của thanh niên, xác định sứ mạng của thanh niên trong "cảnh nước mất nhà tan" là phải "đứng lên giải phóng giống nòi", theo những "tấm gương

sáng chói của anh hùng dân tộc trong lịch sử cứu nước" ... Nguyễn An Ninh khẳng định "thanh niên An Nam có thể làm nổi việc đánh đuổi ngoại xâm, nếu biết đoàn kết chung sức chung lòng, cùng đứng lên, xông tới, thì không có bạo lực nào ngăn cản nổi bão táp cách mạng". Ông vạch phương hướng đấu tranh như sau: "Chúng ta phải biết dang chân ra, một chân đặt vững chắc trong hiện tại, chân kia phải bước vào tương lai, một tương lai gần gũi mà chúng ta xem như phải là hiện tại đứng đắn của chúng ta". (Xem bài đăng lại trên báo "la Cloche Fêlée", số 1, ngày 10-12-1923).

Bài diễn văn mang tính chất tuyên ngôn này đã thật sự làm cho tên thống đốc Nam Kỳ Cognacq hoảng hốt và nổi giận. Trước tiên, hắn ra lệnh khiển trách nặng nề và hăm dọa đuổi khỏi sở làm đối với những công chức đang nhiệm sở đã đến nghe nhà cách mạng Nguyễn An Ninh diễn thuyết. Sau đó, hắn cho mời Nguyễn An Ninh đến dinh thống đốc. Cognacq buộc tội Nguyễn An Ninh là "người biết luật mà phạm luật". Nguyễn An Ninh cười đáp lại hắn: "Vì tôi biết luật, mà chính là luật của nhà nước cộng hòa Pháp, để nhằm nâng cao dân trí của người An Nam chúng tôi ... Nghĩa là tôi làm đúng luật, còn ngài cấm tôi nói mới là không đúng luật đó, thưa ngài Thống Đốc!" Tên Cognacq bí lỗi nên nói bừa một câu sặc mùi thực dân rằng: "Không nên có trí thức trên đất nước này" (nguyên văn lời nói của Cognacq là: "Il ne faut pas d'intellectuels en ce pays") và hắn tuyên bố cấm không cho nhà cách mạng Nguyễn An Ninh diễn thuyết ở SAMMIPIC nữa! Nguyễn An Ninh, trước khi ra về, nói thẳng với tên Cognacq rằng: "Không cho tôi nói miêng, thì tôi nói với đồng bào tôi trên mặt báo!" (theo Trần Huy Liệu đã dẫn).

Nhưng thực tế Nguyễn An Ninh vẫn còn diễn thuyết dài dãi, không ở SAMIPIC thì ở các chỗ có đông người. Nguyễn An Ninh đã chuyển hướng đi về nông thôn, tiến hành tuyên truyền vận động thanh niên nông dân, phát động lòng yêu nước của một tầng lớp mà ông xem là động lực của cách mạng. Đồng thời với công việc đó, ông quyết định cho xuất bản và phát hành công khai tờ báo bằng tiếng Pháp: "La Cloche Fêlée" (Tiếng Chuông Rè).

o0o

Vào thời buổi Nguyễn An Ninh về nước (1922-1923) ở Nam Kỳ duy nhất chỉ có một tờ báo Việt ngữ là "Nông Cổ Mìn Đàm" do Nguyễn Kim Đính làm chủ bút. Còn hầu hết là báo tiếng Pháp.

Trong bối cảnh đó, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh nhận thấy ra báo tiếng Pháp có hai điều lợi, vừa phổ biến trong giới có học của người Annam - mà theo ông "giới có học là người truyền bá văn hóa tiến bộ và tinh thần dân chủ mạnh mẽ và kết quả nhất"; vừa để cho người Pháp tiến bộ ở thuộc địa hay chính quốc đọc được, vì học là "lực lượng ủng hộ cuộc cách mạng dân chủ quan trọng nhất".

Tờ "Tiếng Chuông Rè" (la Cloche Fêlée) số đầu tiên ra ngày 10-12-1923, được truyền bá đi khắp xứ Annam. Nước Pháp lúc bấy giờ có một cơ quan truyền bá những tư tưởng Pháp, với cái tên là "Orange de Propagande Desidées Francaise la Cloche Fêlée" - Phải chăng Nguyễn An Ninh đã sử dụng mấy chữ cuối cùng của cái tên cơ quan "truyền bá những tư tưởng Pháp" này để "lấy gậy ông đập lưng ông". Vì thế, "Tiếng Chuông Rè" mới đăng "Lời Phi Lộ" bằng câu nói của chính viên toàn quyền thời ấy là Albert Saraut rằng: "Là người Pháp, chúng tôi chấp nhận tất cả những gì rộng rãi, độ lượng, cao thượng" (Nous sommes Francais tout ce qui est large, généreux, noble est notre).

Nguyễn An Ninh đã nói rõ mục đích làm báo của ông qua hai "Lá thư không niêm", đăng trên tờ số 1 và số 3, "Tiếng Chuông Rè", đã cho "đồng bào mình" đều biết: Một, "Tiếng Chuông Rè" là cơ quan tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước. "Yêu nước đối với một dân tộc sống trong vòng nô lệ, khi mà những tên thực dân cáo già đang ra sức tô vẽ về một nước Pháp ở á Châu (La France Asie); khi mà có những người theo Pháp đang uốn lười dân về một chế độ lập hiến - quân chủ như Phạm Quỳnh hay về một chế độ lập hiến - dân chủ như Bùi Quang Chiêu". "Họ đang thuyết phục dân ta đi theo chủ nghĩa "Pháp Việt đề huề" (Theo nguồn tư liệu của Nguyễn Văn Trấn, trong "Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội", Văn Nghệ xuất bản, California USA, 1995). Như vậy theo nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, trong thời buổi ấy, tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, trước tiên phải vạch mặt tên thực dân cáo già "đang tô vẽ về một nước Pháp ở á Châu"; và sau đó là chỉ tên những kẻ tiếp tay cho bọn thực dân Pháp, dưới chiêu bài "Pháp Việt đề huề". Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã nói cho đồng bào mình một cách rõ ràng, rằng không có một thứ chủ nghĩa yêu nước chung chung, mà chủ nghĩa yêu nước là cụ thể Đánh đổ ai và giải phóng ai? Hai, "Tiếng Chuông Rè" là cơ quan chuẩn bị cho tương lai của

dân tộc. "Những kiến thức mà nước Pháp đã đem lại cho chúng ta sẽ không dẫn chúng ta ra khỏi nòi giống của mình mà trái lại sẽ đưa chúng ta trở lại, vào lòng của dân tộc". "Phải trên cơ sở dạy cho chúng ta biết yêu thương nòi giống đã un đúc ra mình, thì nước Pháp mới chắc chắn được rằng những tư tưởng của họ sớm hơn hoa kết trái và ảnh hưởng tinh thần của họ sẽ được lan rộng ra khắp thế giới" (Theo Nguyễn Văn Trấn, đã dẫn).

Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh cũng đã thấy rõ yếu điểm của tờ báo Pháp ngữ (La Cloche Fêlée) là không phổ biến rộng rãi trong dân chúng. Do đó ông đã nêu rõ ý đồ của ông về "sự nghiệp tuyên truyền" của ông và các đồng chí của ông là "để có hiệu lực chắc chắn thì phải có thể tác động đến càng đông người càng tốt. Chúng ta phải có trong tay một tờ báo quốc ngữ. Chính là qua chữ quốc ngữ mà chúng ta mới giúp đỡ được một số nhiều nhất đồng bào chúng ta". Nhưng trước mắt chưa ra được Tờ Báo Quốc Ngữ để phổ biến rộng "khắp xứ Annam" là còn thiếu thốn về tài chánh. Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã bày tỏ quyết tâm của ông và các đồng chí của ông như sau: "Chúng tôi chỉ có thông minh, có ý chí và tấm lòng mà chúng tôi dâng trọn cho đất nước. Nói vậy nghĩa là trong thiếu thốn chúng tôi vẫn sẵn sàng đem hết nghị lực non trẻ để thực hiện cho bằng được điều mơ ước của mình". (Theo tư liệu của Nguyễn Thị Bình, con gái ruột của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh. Xem Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn) .

"Tiếng Chuông Rè" mới ra được số 1 (10-12-1923) thì tạm đình bản vì chủ bút Nguyễn An Ninh đi vắng. Nguyễn An Ninh trở sang Paris để thuyết trình cho dân chúng Pháp nghe về đề tài "Nước Pháp ở Đông Dương" (La France en Indochine), trong đó ông đã đề cập đến một câu hỏi mà mọi người dân Đông Dương đang mong chờ: "Một cuộc cách mạng có khả năng không?" (Une Révolution est - elle possible?) - Trước khi đưa ra kết luận về khả năng cách mạng ở Đông Dương và đó là một cuộc cách mạng theo khuôn mẫu nào, Nguyễn An Ninh đã trình bày ý kiến đồng nhất của mình với các nhà trí thức Châu Âu, như Romain Rolland, Henri Barbusse, Léon Werth ... về sự thắng lợi về cuộc cách mạng của nhân dân Ấn Độ do Gandhi lãnh đạo, rằng: "Không gì đáng ngạc nhiên hơn là từ nay nước Anh đã thay đổi với người Ấn Độ, kể từ sau khi Gandhi bắt đầu hành động. Người Âu Châu không dám miệt thị người Ấn Độ nữa. Họ cố gắng nói năng lễ độ hơn; và mọi người nhất trí phê phán những hành vi bạo ngược, mà trước đây là phương tiện tối cao, đôi khi còn là phương tiện đầu tiên của nhà đương quyền. Đây là Ấn Độ thắng về mặt tinh thần". Từ đó, Nguyễn An Ninh đưa ra phương sách cách mạng cho các nước thuộc địa ở Á Châu rằng: "Chỉ có thể tiến hành một cách mạng duy nhất theo mẫu mực của Ấn Độ" - Phương sách cách mạng này của Nguyễn An Ninh đúng hay không đúng, chúng tôi xin nhường lại cho giới sử học hiện đại Việt Nam phát biểu, vì không thuộc phạm vi của bài nghiên cứu này.

Bài diễn thuyết ở Paris - "La France en Indochine" - đã được in thành sách và phát hành ngay tại Paris. Và đã được đăng liền trong 4 số báo "La Cloche Fêlée", từ số 15 đến số 19 (Sau khi Nguyễn An Ninh trở về nước).

Đặc biệt trong số 15 (21-4-1924) Nguyễn An Ninh nói với đồng bào trí thức, thanh niên và sinh viên việc phải làm sao để có khả năng thực hiện một cuộc cách mạng theo "mẫu mực của Ấn Độ" ở xứ Annam.

Theo nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, trước hết, "phải có một đội ngũ trí thức như hiện nay đang lãnh đạo Ấn Độ" . (Chú ý: Đặc biệt về quan niệm này của Nguyễn An Ninh đã bị những người Cộng Sản Việt Nam sau năm 1930 phê phán gay gắt, vì họ đề cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, còn nhà cách mạng Nguyễn An Ninh thì xem trí thức là lực lượng tiên phong của cách mạng - ai đúng, ai sai? Có dịp, chúng tôi sẽ phát biểu ý kiến riêng của người nghiên cứu lịch sử - LTM).

Sau đó, lực lượng trí thức cách mạng phải làm sao cho "thanh niên Annam ngày nay hiểu rõ nhiệm vụ mà xã hội giao phó cho mình" là "đấu tranh đòi hỏi những cải cách dung hòa tinh thần dân chủ của người Annam với những tư tưởng của Châu Âu ...". Đây là một cuộc "chiến đấu công khai nhân danh những nguyên tắc của cuộc cách mạng 1789". Nhân danh tinh thần dân chủ của cuộc cách mạng Pháp 1789 để đấu tranh chống lại chế độ thuộc địa của người Pháp thực dân, đúng là một ý kiến rất thông minh và đầy sáng tạo trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ (1923-1925).

Cuối cùng, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã giải đáp về khả năng của cuộc cách mạng ở xứ Annam như sau: "Mỗi người chúng ta hãy hỏi quần chúng đi, chúng ta sẽ được câu trả lời. Vì quần chúng mới trả lời nổi câu hỏi như vậy. Ví dụ, quần chúng có bị dồn vào thế bất lực, chúng ta sẽ tiếp nhận được từ quần chúng lòng tự tin về sức mạnh vĩnh cửu của mình, cái câu trả lời rằng cách mạng, quần chúng có khả năng làm được." Rõ ràng, Nguyễn An Ninh đã coi quần chúng nhân dân là

động lực chính của cách mạng, mà trí thức là lực lượng tiên phong. Đây là một quan điểm cách mạng rất quan trọng của một lãnh tụ Nguyễn An Ninh. Quan điểm này, lịch sử cách mạng dân chủ trên thế giới đã chứng minh là hoàn toàn đúng. Nhưng nó có thực hiện được hay không còn do hoàn cảnh lịch sử mà nó áp dụng (?). Bài "Nước Pháp ở Đông Dương", đặc biệt là phần nói về "Khả năng cách mạng" của nhà cách mạng 24 tuổi Nguyễn An Ninh, đã là chấn động chính giới Pháp, và viên toàn quyền Albert Saraut đã trút sự tức giận của một tên thực dân lên đầu thống đốc Nam Kỳ Cognacq. Hắn ra lệnh cho Cognacq "tìm cách bịp mồm" của Nguyễn An Ninh. Báo "Tiếng Chuông Rè" từ số 15 (21-4-1924) đến số 19 (4-7-1924) đã mở một mặt trận tuyên truyền sôi động và quyết liệt nhất trong đời làm báo của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, mà không có tờ báo nào cùng thời làm được. Cụ thể như:

1.- Tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, ông viết: "Sau 60 năm nước Pháp đô hộ xứ Annam khi bọn thực dân Pháp đang khoe khoang về xứ mạng khai hóa, mang khoa học Âu Châu sang đến cho nhân dân Đông Dương, thì người Annam đang sống neho nhóc trong những túp lều tranh lụp xụp, mùa đông gió rét không có được mảnh áo che thân, phải uống nước ao hồ, phải ăn khoai thay gạo, phải bán vợ đợ con ... một tình trạng suy yếu như vào già hấp hối, nghệt thở và một cái chết không tránh khỏi". Hơn nữa, "Trong vòng mười đến mười lăm năm, khi hạng người không lương tâm (người Pháp thực dân) sẽ làm cạn những nguồn hạnh phúc còn con của dân tộc cày sâu cuốc bẫm này, ta sẽ chỉ còn thấy như những người nông nô. Còm lưng trên mảnh ruộng, không phút nghỉ ngơi. tất nhiên những thế hệ sẽ nối tiếp chúng ta: Đó là dân tộc người nô lệ khổ sai, mặt vàng như nghệ. Không phải là người Annam nữa. Tức là, trong họ không còn chấy nữa, cái tinh anh nhất của giòng máu dân tộc đã chinh phục mảnh đất này và thẩm được nó bằng tâm hồn của mình."

Không phải dễ dàng gì, có một nhà trí thức được đào tạo từ môi trường của nền văn hóa Pháp vào thời bấy giờ, lại có cái nhìn sâu sắc đối với thảm trạng của dân tộc Việt Nam đang sống dưới gông cùm thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, nếu không có một lòng yêu dân tộc, yêu đất nước mình, bằng cả tâm huyết, cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng giống nòi như Nguyễn An Ninh (nên biết rằng khi Nguyễn An Ninh công khai tố cáo chủ nghĩa thực dân bằng những lời lẽ làm rung động lòng người như trên, thì tác phẩm "Bản án Chế Độ Thực Dân Pháp" (le procès de la Colonisation Francaise) của Nguyễn Ái Quốc, mãi một năm sau (1925) mới xuất hiện lần đầu tiên ở Paris. Thế nhưng những nhà viết sử của chế độ Cộng Sản Việt Nam từ mấy chục năm qua vẫn cố tình không biết đến việc làm vĩ đại này của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh - Nếu không tin, quý độc giả cứ tìm đọc cuốn "Lịch Sử Việt Nam" (tập II) do giáo sư viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn chủ biên, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, xuất bản vào năm 1985, chương VII - "Những Chuyển Biến Mới Của Phong Trào Giải Phóng Dân Tộc", từ trang 190 đến 221, chỉ đề cập Nguyễn An Ninh và báo "La Cloche Fêlée" trong vòng 7 câu (đầu trang 217), mà không nói tới vai trò vận động cách mạng dân chủ của Nguyễn An Ninh trước khi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên chính trường Việt Nam (?)

2.- Vận động phong trào yêu nước, gây niềm tin vào tương lai của cách mạng.

Trong bài "Từ Ước Mơ đến Hiện Thực" (Du rêve à la réalité) Nguyễn An Ninh đã viết:

"Từ một hiện tại, một thực trạng như thế (như đã nói ở trên) thì tương lai sẽ phải ra sao?

"Chúng ta chỉ có thể hòa mình vào hiện tại để vùng ra khỏi cảnh bị đày ải về vật chất lẫn tinh thần đang bị đè nặng và làm nghệt thở chúng ta. Mọi cải cách xã hội sẽ thất bại, nếu như được xây bởi tưởng tượng và lý trí. Chúng ta là những người phải hạ mình vì một chén cơm, phải trả giá một chén cơm bằng quyền sống, và bằng sự kiêu hãnh của tổ tiên để lại ...

"Chúng ta phải biết chấp nhận một số thực trạng như đương nhiên, để từ đó đi sâu vào quy luật của xã hội rồi tạo ra một trật tự mới để đương đầu với lực lượng cũ."

Và nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã xác định việc "Tạo ra một trật tự mới", trong bài "Tiến Về Dân Tộc Đông Dương" (Vers la nation Indochinoise) như sau:

"Đối với nước Annam ngày nay (năm 1925), giành lại độc lập là quá sớm. Vì chúng ta chưa đủ sức gìn giữ độc lập đó, và sẽ mất nó ngay hôm sau ngày chiến thắng. Chúng ta chưa có đầy đủ ý thức kỷ luật và ý thức khoa học cần thiết đã tạo thành sức mạnh cần thiết cho các dân tộc văn minh, hiện đại. Chúng ta cũng vậy.

Ỉ"Cho nên trước tiên ta phải có một đội ngũ nhân tài hết lòng vì đất nước."

Ỉ"Chúng ta cần những con người vững vàng, tự tin, có ý thức đầy đủ về sứ mạng, về nhiệm vụ của mình, hết lòng tận tụy vì nòi giống. Một niềm vinh hạnh lớn cho đất nước chúng ta đã có những người con như Phan bội Châu, Phan Châu Trinh ... và rất nhiều anh hùng vô danh ... Chúng ta cần có một đội ngũ quan trọng, những con người có tư tưởng và phải thấu hiểu tâm hồn của nòi giống, hiểu những nhu cầu thật sự của đất nước. Chúng ta phải có một đội ngũ những người xây dựng tương lai, để tái thiết ngôi nhà đổ nát của đại gia đình dân tộc.

Ỉ"Chúng ta phải có những con người có khả năng cải tổ nếu quốc gia giáo dục cho phù hợp với dấu ấn đặc biệt của tâm hồn dân tộc. Chúng ta phải xây dựng những nhà trường để đào tạo những "con người" chứ không phải những kẻ ngu si, học hảo phải có nhiều nghệ sĩ, họa sĩ, văn nhân, thi sĩ, đủ khả năng làm sống lại tâm hồn dân tộc".

Như vậy, nhà cách mạng trẻ tuổi Nguyễn An Ninh đã có nghiên cứu thực trạng yếu kém của dân tộc mình trong cái thế đang còn mạnh của thực dân Pháp, rút kinh nghiệm lịch sử cuộc cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) và cuộc đấu tranh giành quyền độc lập của Ấn Độ, để đề ra khả năng cách mạng cho dân tộc Việt Nam. Mục tiêu cuộc cách mạng dân chủ của Nguyễn An Ninh là: Dựng lên một dân tộc Việt Nam có năng lực tự gìn giữ tự do và địa vị của mình giữa thế giới văn minh, chứ không phải dựa vào bất cứ một thế lực nước ngoài nào. Theo ông, dân tộc Việt Nam phải sống theo nghĩa: "Khi nói rằng dân tộc đó sẽ sống, ta không hề nghĩ chỉ có hòa bình, cơm áo là đủ - đó chỉ là cuộc sống thú vật - mà là văn hóa, mà là sức mạnh, mà là những vốn quý mà dân tộc sẽ để lại cho đời sau một vầng ánh sáng chói lọi" (theo nguồn tư liệu của con gái Nguyễn An Ninh - đã dẫn). Một định nghĩa ngắn về chữ "sống" của một dân tộc từ hơn 70 năm trước của một thanh niên vừa tròn 24 tuổi, ngày nay chúng ta được đọc lại, càng suy nghĩ càng thấm thía tinh thần của nó - Từ hơn trăm năm nay, từ sự thống trị của thực dân Pháp đến sự thống trị của các chế độ chính trị Việt Nam lệ thuộc siêu cường quốc tế (tư bản hay cộng sản), dân tộc Việt Nam chưa có sự sống đầy đủ ý nghĩa như nhà cách mạng dân chủ Nguyễn An Ninh đã nói.

Chính vì việc tuyên truyền, vận động dân Annam làm cách mạng như trên, nên nhà cách mạng Nguyễn An Ninh bị tòa án thuộc địa ở Nam Kỳ "khởi tố" về tội "lợi dụng tinh thần văn hóa Pháp để xáo động quần chúng ở xứ Annam chống lại nhà nước Pháp ở thuộc địa". Tên thống đốc Nam Kỳ ra lệnh buộc Nguyễn An Ninh phải ra tòa.

Đứng trước vành móng ngựa của bọn thực dân Pháp, Nguyễn An Ninh đồng dặc tuyên bố:

"Tôi không có phạm luật vì tôi không có làm trái luật tự do ngôn luận, tự do tư tưởng của nhà nước cộng hòa Pháp. Còn việc tôi truyền bá những tư tưởng dân chủ là để giải phóng giống nòi tôi và chuẩn bị cho tương lai của nó. Tôi làm việc đó là vì tôi học tập tinh thần độc lập của nền văn hóa Pháp."

Bọn thực dân Pháp không có cách nào buộc tội ông đi tù, nên đã ra lệnh đóng cư/a tờ báo "La Cloche Fêlée". Thế là "Tiếng Chuông Rè" sau số 62 (3-5-1926) đã không còn xuất hiện trên mặt trận báo chí tranh đấu ở Nam Kỳ nữa. Nhưng nó lại xuất hiện với cái tên mới là "L'Annam". khi tờ "La Cloche Fêlée" bị đình bản hẳn, trong "lời giả biệt" độc giả, đang trên số 19, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh có nói: "Nếu tôi không còn sử dụng được nghề làm báo để giải phóng giống nòi tôi, thì lòng tin nơi tương lai dân tộc không vì thế mà suy giảm, hoạt động của tôi không hề bị tê liệt mảy may."

Nguyễn An Ninh không phải là nhà lý thuyết suông. Ông nói điều gì là ông phải quyết làm cho được. Đó là đặc tính nổi bật của nhà cách mạng chân chính. Và bất cứ hoạt động nào ông cũng đã trù tính trước. Do đó, khi "Tiếng Chuông Rè" đã bị cấm hẳn, ông chuyển sang tổ chức Hội Kín. Để che mắt bọn mật thám Pháp và những tên lính kín Việt gian theo dõi, Nguyễn An Ninh đã sử dụng hình thức công khai là người bán dầu cù là dạo, đi khắp mọi nơi, bến xe, bến tàu, chợ thành thị, chợ nông thôn, để bí mật tổ chức hội kín - "hội kín Nguyễn An Ninh" ra đời vào cuối năm 1924 tại Nam Kỳ.

Đối tượng mà Nguyễn An Ninh nhắm tổ chức vào Hội Kín của ông, không phân biệt thành phần giai cấp hay khuynh hướng chính trị, không phân biệt tôn giáo ... Nhưng trọng điểm là các đối tượng trong xã hội nông thôn. Thí dụ, điển hình như hội viên Hội Kín ở xã Tân Nhứt (tân An) gồm có hương hào Doi, thầy giáo long; còn ở Gò Đen thì có Hội đồng Tôn, Cai tổng Lý, hương sư Đê, giáo Tiếp, giáo Gấm ... và cố nông Nguyễn Văn Lộc (theo Nguyễn Văn Trấn, đã dẫn). Như vậy, hội viên Hội Kín có đủ các thành phần; địa chủ, phú nông, hương chức hội tề, trí thức và nông dân. Điều đó chứng tỏ Hội Kín Nguyễn An Ninh là một Mặt Trận Đoàn Kết Dân Tộc.

Hội Kín Nguyễn An Ninh tồn tại và phát triển từ cuối 1924 đến đầu năm 1930, rộng khắp các tỉnh thành: Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ ... Người ta rủ nhau vào Hội Kín Nguyễn An Ninh ngày càng đông, nhất là ở nông thôn. Chính sự phát triển tổ chức quá nhanh và hơi rầm rộ của Hội Kín Nguyễn An Ninh, nên không kiểm soát nổi bộ chỉ điểm Việt gian trà trộn vào. Và đến năm 1928, thực dân Pháp ở Nam Kỳ đã ra lệnh bắt giam Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm.

Phan Văn Hùm sinh năm 1902, tại Búng - Thủ Dầu Một. Tốt nghiệp Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội, và đậu cử nhân văn khoa tại đại học Sorbonne Pháp.

Việc Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm - hai lãnh tụ tối cao của Hội Kín Nguyễn An Ninh, bị bắt (1928) đang còn có một nghi vấn lịch sử (?)

Có người, cùng thời bấy giờ, đã nói: do sự tranh giành ảnh hưởng với Nguyễn An Ninh, nên người của đảng phái khác (?) đã ngầm báo cho mật thám Pháp bắt Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm, trong một cuộc họp của ban lãnh đạo Hội Kín Nguyễn An Ninh, ngay tại một địa điểm bí mật ở Gia Định (?) (chúng tôi chưa có đủ tài liệu để chứng minh và giải thích nghi vấn lịch sử" này - LTM).

Sự thật rằng, trong giai đoạn lịch sử từ 1925 đến 1928 (khi Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm bị bắt), ngoài Hội Kín Nguyễn An Ninh, thì trên toàn quốc Việt Nam còn có 3 tổ chức cách mạng lớn khác:

-1. "Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội" của Nguyễn ái Quốc lúc này đã đổi tên là Lý Thụy, thành lập tại Quảng Châu (Trung Quốc) vào tháng 6-1925, và đưa người về nước vận động, tổ chức và xây dựng cơ sở cách mạng ở trong nước. Đây là tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam (ra đời vào 3-2-1930). ở Nam Kỳ, cơ sở chính của VNTNCH là ở Sở Ba Sơn do Tôn Đức Thắng lãnh đạo.

-2. "Tân Việt Cách Mạng Đảng" của Đào Duy Anh. Tiền thân của TVCMĐ là "Hội Phục Việt (6-1925), và TVCMĐ được thành lập tại Huế trong quá trình tranh chấp với VNTNCH (14-7-1928). Đào Duy Anh, bí thư, và những người đứng đầu TVCMĐ muốm hướng đảng này đi theo chủ nghĩa quốc gia, chống lại xu hướng theo chủ nghĩa cộng sản của Nguyễn ái Quốc và những người lãnh đạo VNTNCH.

Vì vậy, đầu năm 1929, ban lãnh đạo TVCMĐ đưa ra một đề án thành lập "Khối Quốc Gia". Bản đề án này không thừa nhận rằng ở Việt Nam đã có một giai cấp công nhân, từ đó phủ nhận luôn cơ sở xã hội chủ nghĩa cộng sản. Thế nhưng, TVCMĐ đã khai tử sau một năm hình thành. Khi đảng CSVN ra đời (3-2-1930) một số đông đảng viên của TVCMĐ đã bị lôi kéo, gia nhập đảng CSVN ... Từ đó TVCMĐ tan rã dần.

-3. "Việt Nam Quốc Dân Đảng" của Nguyễn Thái Học. Hạt nhân đầu tiên của VNQDĐ là nhóm Nam Đồng Thị Xã do Phạm Tuấn tài lập ra vào năm 1927. Nhóm này có Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Hồ Văn Mịch và Trúc Khê (Ngô VănTriệu). Sau khi Nam Đồng Thị Xã bị đóng cửa, VNQDĐ được bí mật thành lập tại Hà Nội, vào đêm 25-12-1927.

Theo bản điều lệ thảo ra cuối năm 1928, thì: chủ nghĩa của đảng là "Xã hội dân chủ", và mục đích của đảng là: "Đoàn kết cả lực lượng cả nam lẫn nữ để đẩy mạnh cách mạng dân tộc, xây dựng nền dân chủ trực tiếp và giúp đỡ các dân tộc bị áp bức". (Nhưng đến chương trình hành động của đảng đưa ra vào năm 1929 thì không thấy nói đến "xã hội dân chủ" mà lại thay vào đó bằng ba nguyên tắc "Tự do, bình đẳng, bác ái" của nền Cộng Hòa Tư Sản Pháp. Cuối cùng, sắp đi vào khởi nghĩa (1930) thì chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên lại được coi là chủ nghĩa chính thức của đảng (?).

"Hội Kín Nguyễn An Ninh" thành lập và tổ chức trong điều kiện tranh chấp ý thức hệ như thế; và Nguyễn An Ninh - Phan Văn Hùm đã bị bắt trong bối cảnh lịch sử tranh giành ảnh hưởng chính trị trong nội bộ dân tộc như vậy đó. Ngày nay, khi viết những trang sử hiện đại của dân tộc Việt Nam, những nhà viết sử phục vụ chế độ CSXHCNVN - cố ý hay bị bắt buộc (?) - lờ đi sự hoạt động cách mạng của Nguyễn An Ninh (?) Chúng tôi mong rằng các nhà sử học chân chính hãy cùng nhau sưu tầm, nghiên cứu và viết lại những trang sử trong thời kỳ này, để minh bạch cho người đọc sử Việt Nam, cả hôm nay và mai sau.

Năm 1930, Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm được thả ra. Phan Văn Hùm đi sang Pháp. Còn Nguyễn An Ninh thì vẫn tiếp tục chí hướng của mình. Nhưng diễn biến của lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam vào hai năm 1930-1931 thật là khó khăn, phức tạp trước sự đàn áp, khủng bố của chủ nghĩa thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã bị thất bại. Các lãnh tụ của VNQDDĐ bị bắt và bị giết. Cuộc nổi dậy "Xô Viết Nghệ Tĩnh" của đảng cộng sản Việt Nam (giữa năm 1930 đến đầu năm 1931) đã bị tàn sát đẫm máu trong bom đạn của thực dân Pháp. Không khí khủng bố trong nhất thời đã gây nên những khó khăn không nhỏ cho phong trào vận động cách mạng giải phóng của dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh lịch sử này, sự tồn tại của nhiều tổ chức cách mạng với nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau, thật là một sự bất lợi lớn cho dân tộc, trước một kẻ thù hiểm độc và tàn bạo như chủ nghĩa thực dân Pháp.

Nhà cách mạng chân chính Nguyễn An Ninh đã nhận thấy nguy cơ lịch sử này; đồng thời ông cũng thấy đảng cộng sản Đông Dương (lúc này đảng CSVN đã đổi tên là đảng CSĐD), dù phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đã bị thất bại, nhưng về mặt tổ chức vẫn còn mạnh và chủ trương "giải phóng dân tộc" của họ trước mắt là hợp thời thế, lôi cuốn được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng, nhất là công nhân và nông dân, nên ông tự nguyện chuyển giao các tổ chức đoàn thể thuộc "Hội Kín Nguyễn An Ninh" cho đảng bộ CS Nam Kỳ do Nguyễn Văn Kinh, bí danh Nguyễn Thượng Vũ, làm bí thư. Chính vì việc làm này của ông, có người đặt nghi vấn "Nguyễn An Ninh có phải đã gia nhập đảng CSĐD hay không?"

Sự thật, Nguyễn An Ninh chưa bao giờ gia nhập vào đảng CSĐD cả. Điều này có thể chứng minh qua lời thuật lại của một người cộng sản đương thời Nguyễn Văn Trấn. Lúc bấy giờ, Nguyễn Văn Trấn làm báo Đảng (báo Dân Chúng) nhưng rất kính nể nhà cách mạng dân chủ Nguyễn An Ninh, và gọi Nguyễn An Ninh bằng anh Năm (Nguyễn Văn Trấn nhỏ hơn Nguyễn An Ninh 14 tuổi). Nguyễn Văn Trấn cho biết: Năm 1936, vì viết mấy bài báo cho tờ "La Lutte" của Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn An Ninh bị tên Pagès - thống đốc Nam Kỳ, thay cho tên Cognacq - ra lệnh bắt giam cùng với Tạ Thu Thâu và Nguyễn Văn Tạo. Bị giam gần một tháng, các ông Ninh-Thâu- Tạo quyết định tuyệt thực. Cuộc tuyệt thực kéo dài 8 ngày làm xôn xao dư luận ở Đông Dương và Pháp quốc, nên buộc lòng tên Pagès mới ký lệnh thả ba nhà cách mạng này. Sau khi Nguyễn An Ninh được thả về, Nguyễn Văn Kinh có chỉ thị cho Nguyễn Văn Trấn đến gợi ý, "đề nghị anh Năm và Đảng", Nguyễn An Ninh đang nói chuyện vui cười, liền nghiêm mặt trả lời:

"Vô đảng để làm gì? Hoàn cảnh không cho phép tôi làm một đảng viên, là phải hoạt động trong một cơ sở tổ chức của đảng được. Tôi đã trao hết quần chúng của tôi, giao luôn chị Năm cho đảng (tức Nguyễn An Ninh đã cho vợ làm công tác do đảng CSĐD giao). Bây giờ tôi muốn để thì giờ nghiên cứu sâu thêm nữa về Đạo Phật".

"Và tôi làm anh mà nói với em:

"Cái kết quả tức thì của cuộc vận động giải phóng dân tộc không phải là chủ nghĩa xã hội. *autrement dit*, chưa phải tức thì là *dictature du prolétariat*, chuyên chính vô sản" (Nguyễn Văn Trấn đã dẫn).

Như vậy, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh chỉ tán thành đường lối "giải phóng dân tộc" chứ không tán thành chủ trương "xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản" của đảng CSVN! Một cái nhìn sáng suốt từ hơn 60 năm trước (1936-1999) của nhà cách mạng dân chủ tiên phong Nguyễn An Ninh, đến nay vẫn còn giá trị cho chúng ta suy xét về sự sai lầm của đảng CSVN đối với vận mệnh và tương lai của dân tộc.

Trong thời gian 1931-1936, nói là ở nhà đọc sách, khảo cứu và viết ... nhưng trong thực tế của thời cuộc không cho phép nhà cách mạng Nguyễn An Ninh tách rời cuộc vận động của lịch sử giải phóng dân tộc, rất cần đến ông.

Nguyễn An Ninh, ngoài một số bài báo, ông chỉ để lại cho đời một số tác phẩm như sau:

- Phật Giáo (khảo cứu)
- Hai Bà Trưng (kịch nói)
- Dân Ước (dịch cuốn "Le Contrat Social" của J.J Rousseau, Pháp)

Nguyễn An Ninh vẫn lao vào phong trào. Ông đã bí mật liên lạc với quần chúng cách mạng ở nông thôn các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Trà Vinh ... và chỉ đạo đấu tranh như việc chỉ đạo cuộc biểu tình ngày 1-1-1937, tập trung 20,000 người bao gồm đủ các giới, đông nhất là công nhân - lao động ở thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn và nông dân các vùng lân cận thành phố, để đón Justin Godart - phái viên của chính phủ Mặt Trận Nhân Dân Pháp, sang Việt Nam điều tra tình hình.

Bọn mật thám Pháp được lệnh của tên thống đốc Nam Kỳ Pagès là phải theo dõi sát nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, vì ông đã bị chúng liệt vào danh sách "nguy hiểm nhất" cho nền an ninh của chính phủ thực dân Pháp ở Đông Dương. Và đến tháng 5-1937, nhân có cuộc nổi dậy của nông dân Trà Vinh, tuần hành biểu tình chống thuế, đòi tự do dân chủ, đòi phóng thích chính trị phạm, tên Pagès ra lệnh bắt Nguyễn An Ninh vì tội "xách động dân Annam làm loạn".

Chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ đã đưa Nguyễn An Ninh ra tòa tại Sài Gòn. Tên chánh án thực dân buộc Nguyễn An Ninh phải trả lời câu hỏi cuối cùng của chánh phủ (L'ultimatum du Gouvernement) rằng:

- "Tại sao nhà nước đã ra lệnh cho các anh giải tán Đông Dương Đại Hội, mà sao các ủy Ban Hành Động hầy còn hoạt động?"

Nguyễn An Ninh ung dung đáp:

- "Hãy coi Đông Dương Đại Hội là của tôi đi, khi được lệnh giải tán thì nó đã giải tán rồi. Còn ủy Ban Hành Động là của quần chúng, tôi có quyền gì mà giải tán nó."

Không đủ lý lẽ để bắt bẻ nhà cách mạng cử nhân luật Nguyễn An Ninh, bộ thực dân Pháp áp dụng luật Phát-Xít kết án ông 5 năm tù giam và 5 năm biệt xứ.

Nhân đây, chúng ta tìm hiểu sơ lược về tổ chức Đông Dương Đại Hội và vai trò của Nguyễn An Ninh đối với phong trào này, như thế nào.

Sau năm 1935, tình hình Phát-Xít hóa bắt đầu từ nước Đức Hitler rồi đến Ý, Nhật. Trục Phát-Xít Berlin-Roma-Tokyo hình thành báo động một nguy cơ mới cho nhân dân thế giới - chiến tranh thế giới lần thứ hai đang được phát động và có khả năng bùng nổ vào bất cứ lúc nào.

Trong phong trào chống Phát-Xít chung của nhân dân thế giới, tại nước Pháp đã hình thành "Mặt Trận Nhân Dân Pháp Chống Phát-Xít", và chính phủ phái tả của Léon Blum lên cầm quyền, đã là một sự khuyến khích về tinh thần cho những nhà cách mạng Việt Nam. Lợi dụng cơ hội đó, và đặc biệt là khi nghe Quốc Hội Pháp đã quyết định cử những phái đoàn sang điều tra tình hình ở Đông Dương, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, được sự ủng hộ của cả những người CSVN, đã đứng ra kêu gọi thành lập tổ chức Đông Dương Đại Hội. "Đông Dương Đại Hội" đã nêu ra những yêu cầu sau đây, để trình lên phái đoàn điều tra do quốc hội Pháp cử sang Đông Dương (như phái đoàn của Justin Godart đầu năm 1937):

1. Tự do hội họp, tổ chức đi lại, xuất bản.
2. Trả tự do cho tất cả chính trị phạm.
3. Bỏ chế độ phân biệt đối xử giữa người Pháp và người Đông Dương.
4. Cải tổ đại hội đồng kinh tế tài chánh Đông Dương và các viện dân biểu, hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố.
5. Thực hành luật lao động ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu và cứu tế thất nghiệp.
6. Bỏ thuế thân, giảm các thứ thuế khác.
7. Xóa nợ cho vay nặng lãi, cấp cướp đoạt ruộng đất.
8. Bỏ các độc quyền rượu, muối, cấm bán thuốc phiện.

9. Thái hồi những công chức ăn hối lộ và đàn áp nhân dân bản xứ.

10. Mở rộng giáo dục, bắt buộc dạy tiếng Việt trong các trường học.

11. Nam nữ bình đẳng.

Sau khi Đông Dương Đại Hội ra đời chỉ có mấy tháng, vào cuối năm 1936, riêng Nam Kỳ đã có hơn 600 ủy ban hành động của quần chúng công nhân, nông dân và công chức, nhằm đấu tranh đòi thực hiện những yêu sách của Đông Dương Đại Hội đề ra. Nhờ đó mà đã gây được sức ép với nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, buộc chúng phải thi hành một số yêu cầu của Đông Dương Đại Hội, như phải ban hành Nghị Định (11-10-1936) về quyền lợi của công nhân ... và buộc chúng phải thả nhiều chính trị phạm (chỉ tính từ 10-1936 đến 10-1937, đã có 1.532 chính trị phạm ra khỏi nhà tù thực dân Pháp).

Chính vì phong trào Đông Dương Đại Hội đã gây nhiều bất lợi cho chính quyền Pháp ở Đông Dương, cho nên chính phủ Pháp quyết triệt hạ người đứng đầu phong trào - nhà cách mạng Nguyễn An Ninh! Nhưng, không thể ngờ được, ngày nay sau khi nắm được bá quyền chính trị ở Việt Nam, đảng CSVN lại ra lệnh cho các nhà sử học theo Đảng viết lại trang sử về Đông Dương Đại Hội hoàn toàn khác: Họ chỉ coi "Nguyễn An Ninh, một trí thức yêu nước" do đảng CSVN vận động "đứng ra cổ động thành lập Đông Dương Đại Hội", mà mọi công lao đều quy về cho đảng CS Đông Dương (xem "Lịch Sử Việt Nam", tập II, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1985, tr. 287). Ở tù tại khám lớn Sài Gòn đến tháng 1-1939, nhờ phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam kết hợp với phong trào của giới trí thức dân chủ Pháp, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh được "ân xá", những vẫn bị quản thúc biệt xứ tại Mỹ Tho.

Khi Nguyễn An Ninh ra tù cũng là thời gian lịch sử thế giới đang đứng bên miệng hố của cuộc đại chiến mới - Đại Chiến thứ II. Tháng 3-1938, sau khi thôn tính được nước áo, Phát-Xít Đức chia nanh vuốt của chúng vào Tiệp Khắc. Hiệp định Munich ngày 30-9-1938 đã tạo thuận lợi cho Đức đánh chiếm toàn bộ nước Tiệp Khắc (15-3-1939). Cùng trong thời gian này, Đức và Ý tiếp tục đẩy mạnh can thiệp quân sự vào Tây Ban Nha. Mùa hè 1939, quân Nhật từ căn cứ Mãn Châu mở cuộc tấn công vào vùng Khan Khingon tạo điều kiện thuận lợi cho quân Đức mở mặt trận phía tây của Liên Xô (Sau khi xâm chiếm được Balan vào ngày 1-9-1939). Do đó, ngày 3-9-1939, Anh-Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức, và cuộc chiến tranh thế giới thứ II bắt đầu.

Vậy là, nhà cách mạng dân chủ Nguyễn An Ninh chỉ mới ra tù có mấy tháng, đang bị quản thúc tại Mỹ Tho, lại bị chính quyền Pháp ở Đông Dương bắt lại, và đưa đi đày ở Côn Đảo.

Ở Côn Đảo, nhà cách mạng tiền phong Nguyễn An Ninh vẫn tiếp tục chí hướng của mình, bằng cách giải giảng tinh thần cách mạng dân chủ cho những người bạn tù nghe ... nhưng chẳng may, sức khỏe của ông quá yếu không chống lại nổi với những cơn bệnh ngặt nghèo, nên Nguyễn An Ninh đã qua đời tại ngục tù Côn Đảo vào ngày 14-8-1943.

Kỷ niệm ngày giỗ lần thứ 55 (1943-1998) của nhà cách mạng dân chủ tiền phong trong lịch sử hiện đại Việt Nam - Nguyễn An Ninh, chúng tôi viết bài sưu khảo này, mong cống hiến cho đồng bào Việt Nam tại hải ngoại, đặc biệt cho giới trẻ có học, nhằm phát huy truyền thống cách mạng dân chủ của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, áp dụng vào công cuộc đấu tranh cho đại nghiệp dân chủ - tự do của dân tộc Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XX này.

Bài học cách mạng đến cùng, không khuất phục trước bạo lực, bạo tàn của kẻ thù dân tộc, biết hy sinh quyền lợi của cá nhân cho quyền lợi của dân tộc, biết nhân nhượng và đoàn kết với những đảng phái không cùng khuynh hướng chính trị nhằm phục vụ cho cái chung của phong trào, nhưng không bao giờ nghiêng ngã mà luôn luôn giữ vững lập trường dân chủ tự do ... của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh là một tấm gương sáng chói đời đời cho mọi thế hệ trẻ Việt Nam noi theo.

Để chấm dứt bài khảo cứu chưa thật hoàn chỉnh này, chúng tôi xin giới thiệu một bài thơ của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh viết vào năm 1923, một bài thơ rất có ý nghĩa với tất cả những ai đang dẫn thân cho đại cuộc dân chủ - tự do của dân tộc Việt Nam. Đó là bài thơ Sống và Chết, có 4 khổ, 16 câu như sau:

Sống mà vô dụng, sống làm chi?
Sống chẳng lương tâm, sống ích gì?
Sống trái đạo người, sống thêm tội,
Sống quên ơn nước, nước càng khi.

Sống tai như điếc, lòng đâm then,
Sống mắt đường đui, dạ thấy kỳ,
Sống sao cho phải, cho nên sống,
Sống để muôn đời, sử tạc ghi.

Chết sao danh tiếng vẫn còn hoài,
Chết đáng là người đủ mắt tai,
Chết được dựng hình tên chẳng mục,
Chết đưa vào sử chứ không phai.

Chết đó, rõ ràng danh sống mãi,
Chết đây, chỉ chết cái hình hài,
Chết vì tổ quốc đời khen ngợi
Chết cho hậu thế, đẹp tương lai.